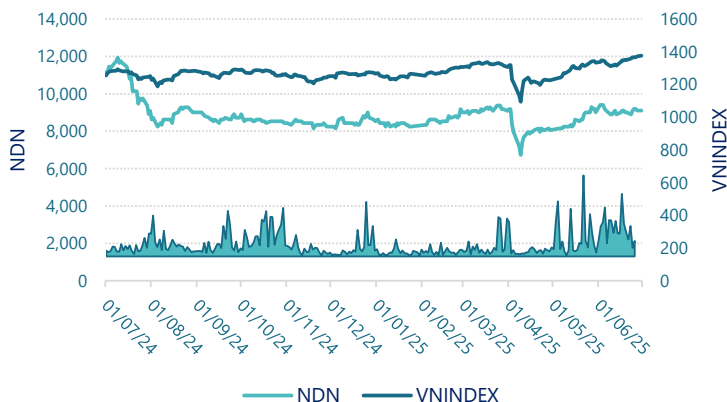




CTCP Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng (HNX: NDN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,937
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,726
SL cổ phiếu LH	71,657,936
KLGD BQ 20 phiên (CP)	133,935
% sở hữu nước ngoài	1.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	652
P/E	9.2
EPS	987

DT thuần

Q2/25

5.81

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.84 | 16.9%

YoY: ▼ 3.71 | -39.0%

LN sau thuế

Q2/25

29.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 15.6 | -34.7%

YoY: ▲ 22.1 | 308%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

525%

+/- YoY: ▲ 434%

DT thuần

6T 2025

10.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 13.2 | -55.1%

LN sau thuế

6T 2025

74.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 34.6 | 87.1%

ROE

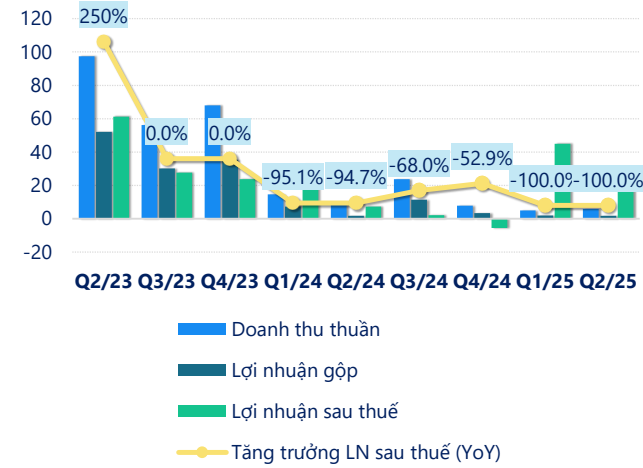
Q2/25

6.3%

+/- YoY: ▼ 2.2%

tỷ VNĐ

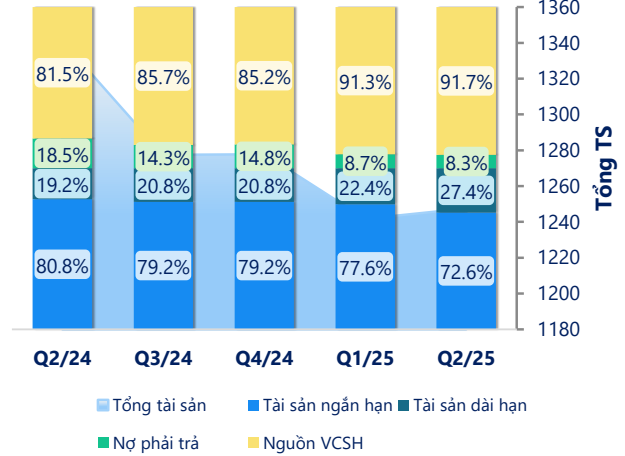
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

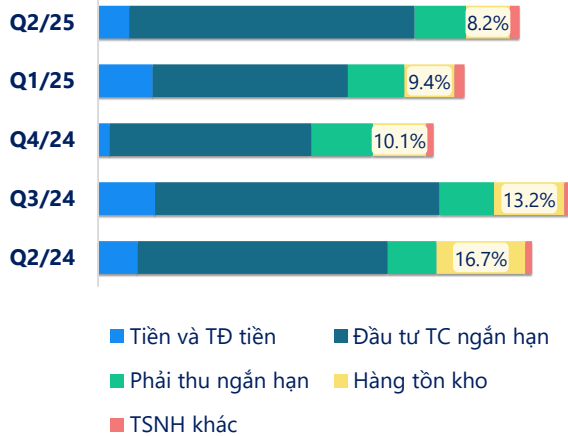
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



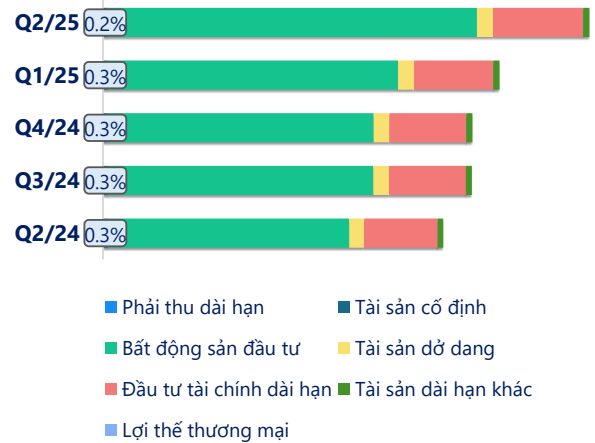
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

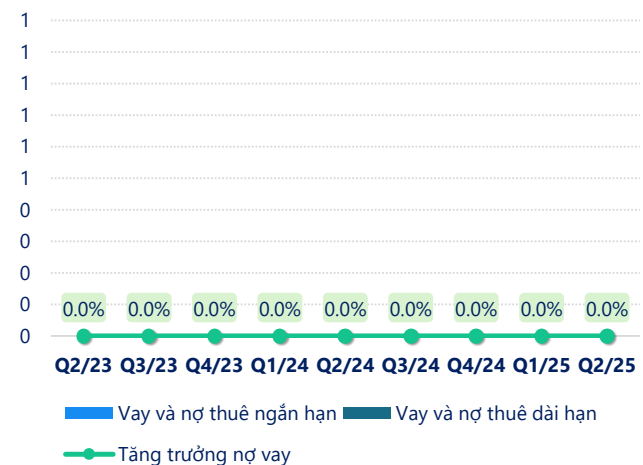
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

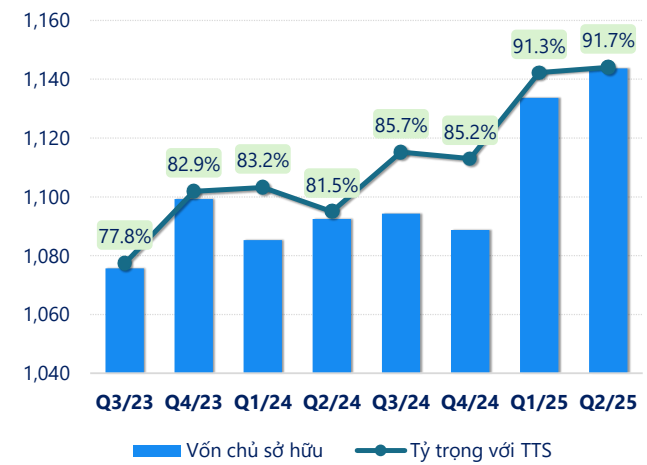
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

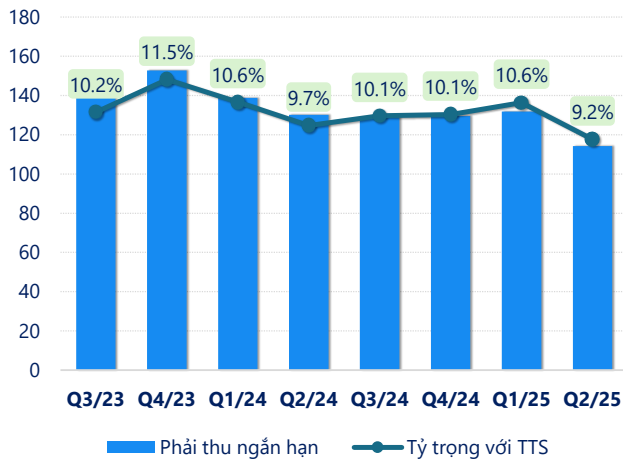
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



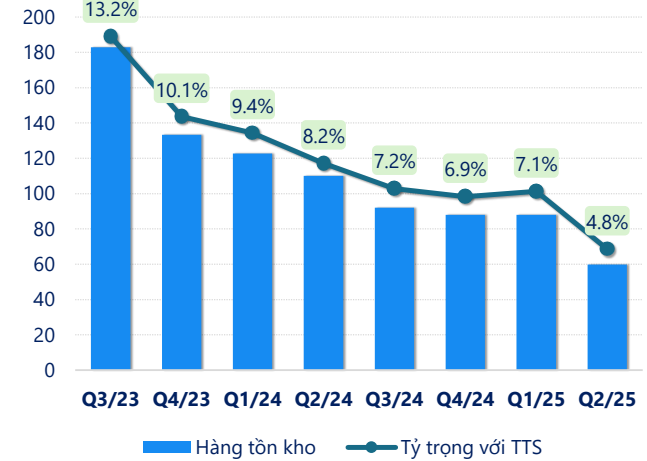
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


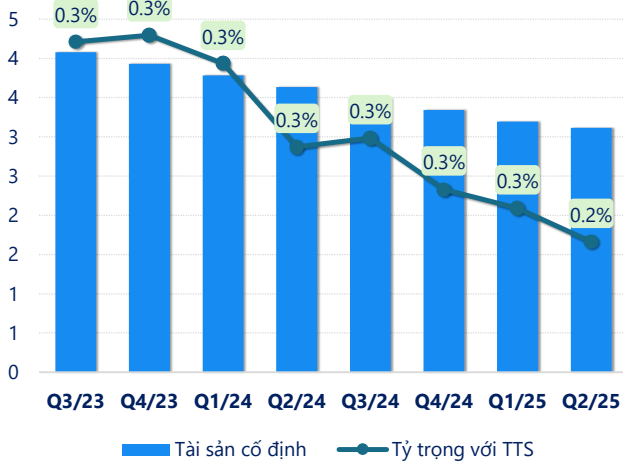
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


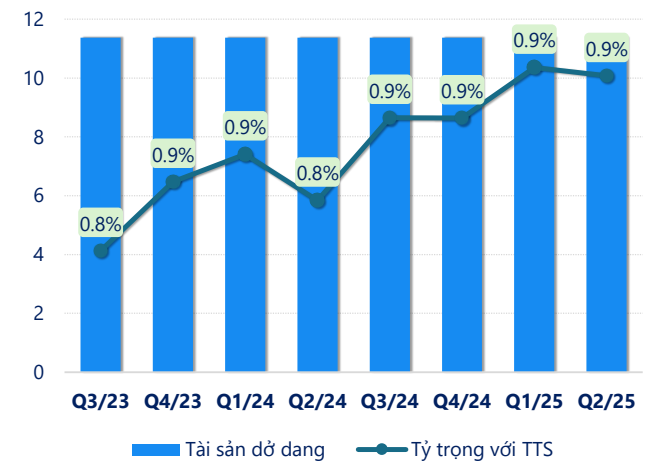
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

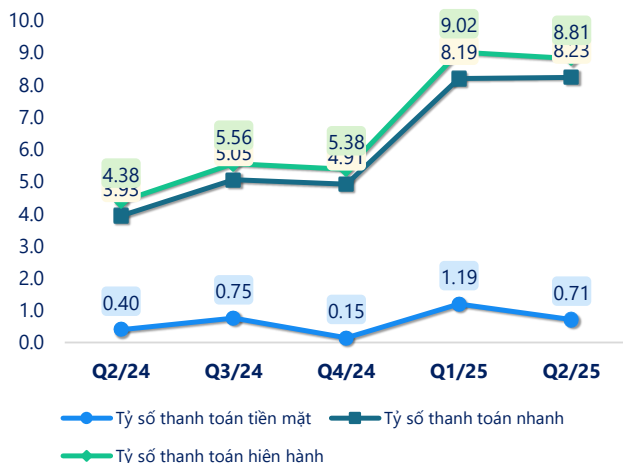
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

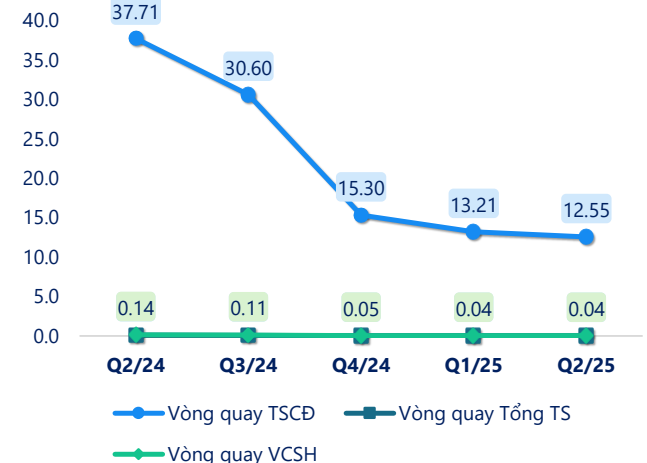
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,341	1,277	1,278	1,242	1,248
Tài sản ngắn hạn	1,084	1,012	1,011	964	905
Tiền và tương đương tiền	99.1	137	27.4	128	73.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	720	630	750	600	642
Phải thu ngắn hạn	130	129	130	132	114
Hàng tồn kho	110	92.0	87.9	88.0	59.9
Tài sản ngắn hạn khác	24.8	23.4	16.5	16.0	15.8
Tài sản dài hạn	257	266	266	278	342
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	3.64	3.49	3.34	3.19	3.11
Bất động sản đầu tư	183	191	192	203	260
Tài sản dở dang	11.4	11.4	11.4	11.4	11.4
Đầu tư tài chính dài hạn	55.5	55.4	55.4	55.3	63.3
Tài sản dài hạn khác	4.28	4.17	4.38	4.45	4.53
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	249	183	189	108	104
Nợ ngắn hạn	247	182	188	107	103
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	50.2	50.0	48.0	46.3	46.3
Nợ dài hạn	1.10	1.04	1.10	1.19	1.13
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,092	1,094	1,089	1,134	1,144
Vốn chủ sở hữu	1,092	1,094	1,089	1,134	1,144
Vốn điều lệ	717	717	717	717	717
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)